TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HS-ST
Ngày: 07-5-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Xuyến.

2. Ông Lâm Ngọc Trao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đặng Trường G, sinh năm 1997, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B 1, xã T, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H(đã chết) và bà Bùi Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/9/2019 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Quốc K, sinh năm 1991 tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã M1, thị xã T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ là Bùi Thị U, sinh năm 1992 và 02 con: lớn sinh năm 2015 và nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự:

Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/9/2019 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Công ty TNHH H.

Địa chỉ: N2- Khu công nghiệp N 5, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Kim Chi H – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Vũ Tuấn P, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Kí túc xá công ty H, ấp 1, xã Long Thọ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn kiếm tiền tiêu xài nên Đặng Trường G là trưởng ca tại xưởng sản xuất Bead Wire 2 trong công ty H thuộc khu công nghiệp N 5, huyện N, tỉnh Đồng Nai nảy sinh ý định trộm cắp chì nguyên liệu của công ty H đem bán. Để thuận lợi hơn G rủ Huỳnh Quốc K là công nhân của công ty tham gia trộm cắp. K có nhiệm vụ chuẩn bị bìa carton để che đậy chì và cảnh giới để G điều khiển xe nâng vào kho vật liệu trộm cắp các thanh chì đưa ra sát hàng rào công ty. Sau đó, G và K ném chì ra khỏi hàng rào công ty. Hết giờ làm việc, G điều khiển xe mô tô biển số 66K1-21731 chở K ra chỗ cất giấu chì để đem đi bán. Với phương thức và thủ đoạn như trên từ ngày 14/7/2019 đến ngày 17/9/2019, Đặng Trường G đã thực hiện 01 vụ trộm cắp nguyên liệu và rủ Huỳnh Quốc K đã thực hiện 03 vụ trộm cắp chì nguyên liệu của công ty H, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ ngày 14/7/2019, G điều khiển xe nâng vào kho vật liệu chở 01 kiện (gồm 42 thanh chì, mỗi thanh nặng 25kg) đưa về kho dùng để vệ sinh các mô bin. Tại đây, G trộm cắp 12 thanh chì chất lên ba lết rồi dùng xe nâng đưa ra sát hàng rào công ty rồi lái xe nâng về lại kho dùng để vệ sinh các mô bin nâng 30 thanh chì về để lại vào kho vật liệu. Sau đó, G đi tới chỗ để 12 thanh chì đưa chì ra khỏi hàng rào. Đến 06 giờ ngày 15/7/2019, sau khi tan ca, G điều khiển xe mô tô biển số 66K1-21731 đến chỗ cất giấu chì chở số chì trộm cắp được đem đi bán cho người chưa rõ nhân thân được 11.000.000 đồng. Số tiền này G dùng để trả nợ hết.

Tại Kết luận định giá số: 186/KLGĐ-HĐĐG ngày 30/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 12 thanh chì có khối lượng 300 kg, có giá trị 16.800.000 đồng.

- Lần thứ hai: Do muốn trộm cắp chì với số lượng nhiều hơn nhưng sợ bị công nhân và bảo vệ công ty phát hiện nên vào khoảng 23 giờ ngày 05/8/2019, G đi tới xưởng sản xuất Bead Wire, nhà máy Steel Cord, công ty TNHH H gặp rủ Huỳnh Quốc K cùng tham gia trộm cắp chì bán lấy tiền tiêu xài, K đồng ý. K có nhiệm vụ chuẩn bị bìa carton để che đậy chì và cảnh giới để G điều khiển xe nâng

vào kho vật liệu trộm cắp các thanh chì đưa ra sát hàng rào công ty. Đến 00 giờ ngày 06/8/2019, G điều khiển xe nâng vào kho vật liệu chở 01 kiện (gồm 30 thanh chì, mỗi thanh nặng 25kg) rồi đưa đến kho dùng để vệ sinh các mô bin. Đến khoảng 01 giờ sáng cùng ngày, khi công nhân công ty H đi ăn giữa ca thì K báo cho G biết để G điều khiển xe nâng chở 30 thanh chì đưa ra sát hàng rào công ty và lấy tấm bạt phủ lên chì. Sau đó, K tiếp tục vào làm việc còn G ở lại ném chì ra khỏi hàng rào công ty. Đến 06 giờ sáng ngày 06/8/2019, khi hết giờ làm việc, G điều khiển xe mô tô biển số 66K1-21731 chở K đến chỗ cất giấu chì và chở số chì trộm cắp được đem đi bán cho một người chưa rõ nhân thân được 26.000.000 đồng, chia nhau mỗi người được 13.000.000 đồng tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá số: 187/KLGĐ-HĐĐG ngày 30/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 30 thanh chì có khối lượng 750 kg, có giá trị 42.000.000 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 07/8/2019, G nghỉ việc tại công ty H nhưng không trả trang phục công nhân mà công ty đã phát cho G. Vào khoảng 00 giờ ngày 31/8/2019, G sử dụng số điện thoại 0967.605.472 điện thoại cho K theo số 0337.884.994 rủ K tiếp tục trộm cắp chì của công ty H, K đồng ý. G mặc đồ công ty đi vào công ty gặp K, K đưa cho G chìa khóa xe nâng để điều khiển vào kho vật liệu trộm 01 kiện chì (gồm 42 thanh chì, mỗi thanh nặng 25kg) đưa ra sát hàng rào công ty. G và K cùng ném chì ra khỏi hàng rào. Đến khoảng 04 giờ sáng cùng ngày, thì K xin nghỉ làm về sớm, G và K tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 66K1-21731 chở các thanh chì trộm cắp được đi bán cho người không rõ nhân thân được 36.000.000 đồng, chia nhau mỗi người được 18.000.000 đồng tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá số: 188/KLGĐ-HĐĐG ngày 01/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 42 thanh chì có khối lượng 1050 kg, có giá trị 58.800.000 đồng.

- Lần thứ tư: Vào lúc 00 giờ 30 phút ngày 17/9/2019, G tiếp tục điện thoại rủ K trộm cắp chì của công ty H, K đồng ý. G mặc đồ công nhân đi vào công ty gặp K. G điều khiển xe nâng vào kho vật liệu trộm 01 kiện chì có 42 thanh chì đưa ra sát hàng rào công ty, G và K ném chì ra khỏi hàng rào. Đến 04 giờ sáng cùng ngày, G và K điều khiển xe biển số 66K1-21731 chở các thanh chì trộm cắp được bán cho người chưa rõ nhân thân được 36.000.000 đồng, chia nhau mỗi người được 18.000.000 đồng tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá số: 189/KLGĐ-HĐĐG ngày 01/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 42 thanh chì có khối lượng 1050 kg, có giá trị 58.800.000 đồng.

Đến ngày 21/9/2019, công ty H làm đơn tố cáo G và K. Ngày 24/9/2019, G và K bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N bắt khẩn cấp để điều tra và xử lý.

Tang vật thu giữ của vụ án gồm:

- 01 xe mô tô biển số 66K1-37918 của bà Bùi Thị M (đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Bùi Thị Mai);

- 01 xe mô tô biển số 66K1-21731, số máy E3T6E099592, số khung RLCUE1710GY065751 theo kết quả xác minh do bị cáo Đặng Trường G đứng tên giấy đăng ký xe.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro của Đặng Trường G;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO 11 Pro của Huỳnh Quốc K;

- Số tiền 14.200.000 đồng của Đặng Trường G;

- Số tiền 1.000.000 đồng của Huỳnh Quốc K và 5.000.000 đồng của gia đình Huỳnh Quốc K giao nộp khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra bị cáo Đặng Trường G đã đem chì trộm cắp được đến tiệm sắt Phát Thành Đạt bán cho 01 người phụ nữ. Cơ quan cảnh sát điều tra đã làm việc với bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 và ông Ngô Khắc T1, sinh năm 1971 là chủ tiệm Phát Thành Đạt thì bà T và ông T1 khẳng định không có mua tài sản trên. Do chỉ dựa trên lời khai của G, không có chứng cứ nào khác để kết luận nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Ngoài ra, đơn tố cáo của công ty TNHH H còn thể hiện vào các ngày 01/01/2019; 06/7/2019 công ty bị mất trộm các thanh chì nhưng không xác định được ai là người trộm cắp. Quá trình điều tra, bị cáo Đặng Trường G và Huỳnh Quốc K không thừa nhận có hành vi trộm cắp vào các ngày 01/01/2019 và ngày 06/7/2019. Công ty không có chứng cứ nào khác để kết luận do đó cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện công ty TNHH H yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tại bản cáo trạng số 43/CT.VKS-NT ngày 01/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Đặng Trường G và Huỳnh Quốc K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tình tiết và chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đặng Trường G từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc K từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo G và K phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 176.400.000 đồng là giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô biển số 66K1-21731, số máy E3T6E099592, số khung RLCUE1710GY065751 theo kết quả xác minh do bị cáo Đặng Trường G đứng tên giấy đăng ký xe; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro của Đặng Trường G; 01 điện thoại di động hiệu OPPO 11 Pro của Huỳnh Quốc K là phương tiện, công cụ đã dùng vào việc phạm tội.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 14.200.000 đồng của Đặng Trường G; 1.000.000 đồng của Huỳnh Quốc K và 5.000.000 đồng của gia đình Huỳnh Quốc K giao nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án.

Sau khi nghe xong bản luận tội, bị cáo G và K không có ý kiến gì đối về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

Vào khuya ngày 14/7/2019 và sáng ngày 15/7/2019, bị cáo Đặng Trường G đã có hành vi lén lút trộm cắp 12 thanh chì, mỗi thanh nặng 25kg, tổng trọng lượng 300kg, trị giá 16.800.000 đồng của công ty TNHH H thuộc khu công nghiệp N 5 huyện N đem bán được 11.000.000 đồng. Bị cáo G dùng số tiền đó để trả nợ hết.

Vào ngày 06/8/2019, bị cáo Đặng Trường G rủ bị cáo Huỳnh Quốc K thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 30 thanh chì, mỗi thanh nặng 25kg, tổng trọng lượng 750kg, trị giá 42.000.000 đồng của công ty TNHH H thuộc khu công nghiệp N 5

huyện N đem bán được 26.000.000 đồng. G và K chia nhau mỗi người được 13.000.000 đồng.

Vào ngày 31/8/2019, bị cáo G và K tiếp tục hành vi trộm cắp 42 thanh chì, mỗi thanh nặng 25kg, tổng trọng lượng 1050kg, trị giá 58.800.000 đồng của công ty TNHH H thuộc khu công nghiệp N 5 huyện N đem bán được 36.000.000 đồng. G và K chia nhau mỗi người được 18.000.000 đồng.

Vào ngày 17/9/2019, bị cáo G tiếp tục rủ K thực hiện hành vi trộm cắp 42 thanh chì, mỗi thanh nặng 25kg, tổng trọng lượng 1050kg, trị giá 58.800.000 đồng của công ty TNHH H thuộc khu công nghiệp N 5 huyện N đem bán được 36.000.000 đồng. G và K chia nhau mỗi người được 18.000.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của công ty TNHH H theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N là 176.400.000 đồng. Sau khi đem tài sản trộm cắp đi bán, thực tế bị cáo G được chia tổng số tiền 60.000.000 đồng, bị cáo K được chia số tiền tổng là 49.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, pháp nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến tình hình đầu tư của các công ty nước ngoài tại địa bàn huyện N.

Các bị cáo nhận thức rõ được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra. Điều đó chứng tỏ ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự xử lý nghiêm, quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo G và K tham gia với vai trò đồng phạm. Bị cáo G là chủ mưu, là người đề xuất, rủ rê bị cáo K và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực cùng bị cáo K. Bị cáo K, sau khi được rủ rê thì đồng ý ngay và tham gia tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo G cao hơn bị cáo K.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo G và K đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (bị cáo G 04 lần, bị cáo K 03 lần) nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo K đã được gia đình nộp 5.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả xảy ra nên cũng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có tài sản, bị cáo K có 02 con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền thiệt hại theo quy định của pháp luật Việt Nam. Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho công ty TNHH H, cụ thể bị cáo G phải bồi thường số tiền 96.600.000 đồng, bị cáo K phải bồi thường số tiền 79.800.000 đồng cho công ty TNHH H.

[9] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô biển số 66K1-21731, số máy E3T6E099592, số khung RLCUE1710GY065751 theo kết quả xác minh do bị cáo Đặng Trường G đứng tên giấy đăng ký xe; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro của Đặng Trường G; 01 điện thoại di động hiệu OPPO 11 Pro của Huỳnh Quốc K là phương tiện, công cụ đã dùng vào việc phạm tội.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 14.200.000 đồng của Đặng Trường G; 1.000.000 đồng của Huỳnh Quốc K và 5.000.000 đồng của gia đình Huỳnh Quốc K giao nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án.

[10] Đối với 01 xe mô tô biển số 66K1-37918 là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị Mai (mẹ ruột bị cáo G), bị cáo G lấy xe đi, bà Mai không biết bị cáo G sử dụng xe vào việc trộm cắp tài sản nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N đã trả lại cho bà Mai là đúng quy định pháp luật.

[11] Quá trình điều tra bị cáo Đặng Trường G đã đem chì trộm cắp được đến tiệm sắt Phát Thành Đạt bán cho 01 người phụ nữ. Cơ quan cảnh sát điều tra đã làm việc với bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 và ông Ngô Khắc T1, sinh năm 1971 là chủ tiệm Phát Thành Đạt thì bà T và ông T1 khẳng định không có mua tài sản trên. Do chỉ dựa trên lời khai của G, không có chứng cứ nào khác để kết luận nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N tiếp tục làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, đơn tố cáo của công ty TNHH H còn thể hiện vào các ngày 01/01/2019; 06/7/2019 công ty bị mất trộm các thanh chì nhưng không xác định được ai là người trộm cắp. Quá trình điều tra, bị cáo Đặng Trường G và Huỳnh Quốc K không thừa nhận có hành vi trộm cắp vào các ngày 01/01/2019 và ngày 06/7/2019. Công ty không có chứng cứ nào khác để kết luận do đó cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N tiếp tục làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo G phải chịu 4.120.000 đồng ((96.600.000 đồng -14.200.000 đồng) x 5% =4.120.000 đồng)); bị cáo K phải chịu 3.690.000 đồng ((79.800.000 đồng -6.000.000 đồng) x5%=3.690.000 đồng)).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đặng Trường G và Hùynh Quốc K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Trường G 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2019.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2019.

3. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho công ty TNHH H, chia theo phần bị cáo G phải bồi thường số tiền 96.600.000 đồng (chín mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng), bị cáo K phải bồi thường số tiền 79.800.000 đồng (bảy mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng) cho công ty TNHH H.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô biển số 66K1-21731, số máy E3T6E099592, số khung RLCUE1710GY065751 theo kết quả xác minh do bị cáo Đặng Trường G đứng tên giấy đăng ký xe; 01 điện thoại di động hiệu Samsung

J7 Pro của Đặng Trường G; 01 điện thoại di động hiệu OPPO 11 Pro của Huỳnh Quốc K là phương tiện, công cụ đã dùng vào việc phạm tội.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.200.000 đồng (hai mươi triệu, hai trăm nghìn đồng); trong đó 14.200.000 đồng (mười bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) của Đặng Trường G; 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) của Huỳnh Quốc K giao nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/4/2020 và số tiền 20.200.000 đồng đang tạm giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền số 001023 ngày 01/4/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

4. Về án phí:

4.1: Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4.2: Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo G phải chịu 4.120.000 đồng (bốn triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng); bị cáo K phải chịu 3.690.000 đồng (ba triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang